

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**QUẬN GÒ VẤP**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1381/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30 - 8 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Hồng Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Chí

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Nga, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

N đơn: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N và ông H vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1.** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị Kim N là nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2009 ngày 26/3/2009.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng thường xuyên gây gổ, đôi khi dẫn đến đánh nhau. Chúng tôi đã cố gắng giải tỏa mâu thuẫn nhưng không có kết quả, chúng tôi sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau từ tháng 10/2016 cho đến nay. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông H bỏ nhà đi, còn tôi sống cùng nhà với gia đình bên chồng, thỉnh thoảng thì ông H về thăm gia đình. Những lần ông H về thăm gia đình là chúng tôi xảy ra gây gổ. Khoảng cuối năm 2021, tổ trưởng tổ dân phố và Công an khu vực có giải quyết mâu thuẫn giữa chúng tôi.

Tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi đang trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/12/2009 và Nguyễn Lê Ngọc H2, sinh ngày 01/6/2015. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này

2. Bị đơn – ông Nguyễn Đức H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H nhưng ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do N đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. N đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định của Luật hôn nhân và Gia đình, Kiểm sát viên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà N phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà N yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

N đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2009 ngày 26/3/2009 của Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hôn nhân chỉ bền vững khi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét, bà N và ông H phát sinh mâu thuẫn từ tháng 10/2016 cho đến nay mà không thể giải tỏa hàn gắn được. Bà N và ông H sống riêng, ly thân với nhau thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập ông H tham gia hòa giải để động viên vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng ông H không đến Tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn, không cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình.

- Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của bà N và ông H thể hiện ông bà có phát sinh mâu thuẫn là sự thật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/12/2009 và Nguyễn Lê Ngọc H2, sinh ngày 01/6/2015 là phù hợp với nguyện vọng của các con và đảm bảo quyền lợi cho các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2009 ngày 26/3/2009 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

**2.** Về con chung: Bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đức H1, sinh ngày 13/12/2009 và Nguyễn Lê Ngọc H1, sinh ngày 01/6/2015.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3.** Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản khi ly hôn: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

**4.** Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0047864 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

**5.** Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Hồng Đào**

